

## LUTVICH PHOIOBẮC BÀN VỀ TÔN GIÁO

NGUYỄN HOÀI SANH<sup>(\*)</sup>

Đến đầu thế kỉ XIX, do sự thống trị lâu dài của chế độ phong kiến, sự phát triển của nước Đức chậm hơn nhiều so với một số nước Tây Âu khác như Anh, Pháp, Italia. Đúng như C. Mác đã nhận xét, giai cấp tư sản Đức không có được sức mạnh chính trị như ở Pháp và sức mạnh kinh tế như ở Anh. Song, những thành tựu của triết học cổ điển Đức, mở đầu bằng I. Cantơ (Immanuel Kant, 1724 - 1804) và đạt tới đỉnh cao là Ph. Hêghen (G.W. Friedrich Hegel, 1770 - 1831), đã đánh dấu một mốc lớn trong sự phát triển triết học của nhân loại. Lutvich Phoiobắc (Ludwig Feuerbach, 1804 - 1872), nhà triết học Đức, mở đầu sự nghiệp của mình cùng với phái *Hêghen trẻ*. Sau đó, ông đã phê phán triết học của Hêghen và chuyển sang triết học duy vật; trở thành một trong những đại biểu xuất sắc của chủ nghĩa duy vật trước Mác.

Trước khi trình bày những quan niệm của Lutvich Phoiobắc về tôn giáo, chúng tôi điểm qua đôi nét quan niệm của một số nhà triết học cổ điển Đức về tôn giáo, trong đó đặc biệt lưu tâm đến các nhà triết học thuộc phái *Hêghen trẻ*. Có thể nói rằng, nếu triết học Anh, Pháp thế kỉ XVII - XVIII phê phán tôn giáo gay gắt và triệt để thì triết học cổ điển Đức đã bước một bước lùi trong sự phê phán đó. Không một ai trong số những đại biểu điển hình của triết học cổ điển Đức lại bài xích tôn giáo mạnh mẽ, trừ những người thuộc phái *Hêghen trẻ*. Tuy nhiên, tôn giáo đối với các nhà triết học cổ điển Đức cũng không còn là tôn giáo với những tín điều truyền thống thiêng liêng như trước

kia; các khái niệm tôn giáo trong triết học này đã có phần mang màu sắc tư biện. Với I. Cantơ, ý niệm Thượng Đế là sự thống nhất tuyệt đối của mọi hiện tượng. Với Phistơ (Johann Gottlies Fichte, 1762 - 1814) ý niệm Thượng Đế được hiểu như một trật tự đạo đức toàn thế giới, và mọi đức tin phản bác lại trật tự đạo đức này đều là đức tin sa đọa, đẩy con người đến chỗ tiêu vong. Còn Hêghen lại muốn hòa giải thân học với triết học; đối với ông, tôn giáo là một yếu tố hòa giải giữa con người và một "thực tại bị xâu xé".

Sau khi Hêghen mất, các học trò của ông, do bất đồng trong quan điểm về tôn giáo đã chia thành hai phái. Một bên, những người theo phái Hữu muốn duy trì quan điểm của Hêghen bảo tồn tôn giáo, còn bên kia là những người theo phái *Hêghen trẻ* có khuynh hướng vô thần cấp tiến.

Năm 1835 F. Storauxơ (F. Strauss 1808 - 1874) đã cho ra đời tác phẩm *Cuộc đời Giêsu, biên khảo và phê phán*. Trong tác phẩm này, ông không những đi ngược lại quan điểm của phái Hêghen chính thống mà còn nêu ra những luận đề phê phán tôn giáo theo tinh thần của một dòng triết học mới. F. Storauxơ khẳng định Giêsu chỉ là một cá nhân bình thường, và triết học không cần phải thừa nhận *Kinh Thánh*. Cuốn sách của ông hoài nghi Đấng Sáng Thế, hoài nghi nguồn gốc thần thánh của tôn giáo, làm tiền đề cho việc xem xét lại nguồn gốc hiện thực của nhiều hiện tượng tôn giáo.

\*. ThS, Trường Cao Đẳng Sư phạm Hà Tĩnh.

Một nhà *Hêghen trẻ* khác, B. Bauc (Bruno Bauer, 1809 - 1882) đã tiến hành phê phán cơ sở lịch sử của Kitô giáo triệt để hơn. Ông là một nhà vô thần đầy hăng hái và có phần cực đoan. Thậm chí ông không thừa nhận có một Đức Giêsu trong lịch sử và cho rằng tất cả những câu chuyện trong *Tân ước* đều là sản phẩm hư cấu của các nhà văn Kitô giáo. Với ông, Kitô giáo là con đẻ của chính xã hội Hy - La cổ đại.

Có thể nói, đóng góp của các nhà triết học thuộc phái *Hêghen trẻ* là sự phê phán nền tảng lịch sử của đức tin Kitô giáo qua việc nghiên cứu các văn bản *Kinh Thánh* và lịch sử hình thành Kitô giáo. Họ phê phán rất mạnh mẽ tất cả những gì có liên quan đến tôn giáo. Nhưng họ không tiến xa hơn các bậc tiền bối trong việc giải thích nguồn gốc tâm lí, nhận thức và xã hội của tôn giáo. Một hạn chế chung của các nhà triết học thuộc phái *Hêghen trẻ* là khi giải quyết vấn đề cần phải làm gì để vượt qua cái tôn giáo mà họ phê phán kịch liệt đó để giải phóng con người, thì họ đều chỉ tìm đến những con đường giải thoát hết sức duy tâm. B. Bauc đòi thực hiện cách mạng trong ý thức thuần túy, bằng cách tuyên truyền chủ nghĩa vô thần, bằng cách khai hóa cho các "ảo tưởng". Storauxơ muốn thay đổi tôn giáo bằng triết học; còn Stiecnơ (Stirner Max K.S, 1806 - 1856) thì cho rằng, mục đích của ông không phải là lật đổ thực tại, mà là vượt lên thực tại; nghĩa là vượt qua tôn giáo bằng ý thức và tư tưởng.

Khi bàn đến các nhà *Hêghen trẻ*, có lẽ không đánh giá nào xác đáng hơn C. Mác và Ph. Ăngghen trong *Hệ tư tưởng Đức*: "Toàn bộ sự phê phán triết học ở Đức, từ Storauxơ đến Stiecnơ, đều bó tròn trong việc phê phán những quan niệm *tôn giáo*. Người ta xuất phát từ tôn giáo chính cống và từ thần học chính cống... Toàn bộ bước tiến là ở chỗ những quan niệm siêu hình, quan niệm chính trị, quan niệm pháp luật, quan

niệm đạo đức và những quan niệm khác mà người ta cho là những quan niệm thống trị, đều được liệt vào lĩnh vực những quan niệm tôn giáo hay thần học; cũng như ở chỗ người ta tuyên bố rằng ý thức chính trị, ý thức pháp luật, ý thức đạo đức là ý thức tôn giáo hay ý thức thần học, rằng con người chính trị, con người pháp luật và con người đạo đức - xét cho cùng "con người nói chung" - là con người tôn giáo. Người ta lấy sự thống trị của tôn giáo làm tiền đề... Ở tứ phía, vẫn chỉ là những giáo điều và lòng tin vào giáo điều... Phái *Hêghen trẻ* thì phê phán tất cả mọi cái, bằng cách thay thế mọi cái bằng những quan niệm tôn giáo hoặc tuyên bố rằng mọi cái là có tính thần học... Kết quả duy nhất mà sự phê phán triết học ấy có thể đạt được là đem lại một đôi điều thuyết minh về mặt lịch sử tôn giáo - nhưng lại rất phiến diện - cho đạo Cơ Đốc; tất cả những điều khẳng định khác của họ chỉ là những tô điểm thêm nữa cho cái tham vọng của họ cho rằng với những điều thuyết minh không đáng kể ấy, họ đã làm nên những phát hiện có ý nghĩa lịch sử toàn thế giới.

Không một người nào trong những nhà triết học đó có ý nghĩ tự hỏi xem mối liên hệ giữa triết học Đức với hiện thực Đức là như thế nào, mối liên hệ giữa sự phê phán của họ với hoàn cảnh vật chất của chính bản thân họ là như thế nào<sup>(1)</sup>.

Như vậy là, các nhà *Hêghen trẻ*, trong tinh thần phê phán hăng hái của mình đã "từ trên trời đi xuống đất", trong khi C. Mác và Ph. Ăngghen lại cho rằng việc cần phải làm là "từ đất đi lên trời". Điều này có nghĩa là, họ đã nhìn hiện thực, nhìn con người qua lăng kính tôn giáo trong khi lẽ ra phải nhìn tôn giáo từ hiện thực. "Chủ nghĩa vô thần

1. C. Mác và Ph. Ăngghen. *Toàn tập*, T. 3. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995, tr. 26 - 28. Xem thêm: Nguyễn Đức Sự (chủ biên). *C. Mác - Ăngghen về vấn đề tôn giáo*. Nxb KHXH, Hà Nội 1999, tr. 208 - 211.

cấp tiến của các nhà Hêghen trẻ bao giờ cũng mang dấu ấn tôn giáo"<sup>(2)</sup>, và vô thần luận của họ chỉ có thể được hiểu như "giai đoạn tối thượng của hữu thần luận"<sup>(3)</sup>.

Trong số các nhà tư tưởng thuộc phái Hêghen trẻ, L. Phoiobác là người duy nhất đã có được một bước tiến đáng kể trong nhận thức về tôn giáo. Năm 1831, tác phẩm *Bản chất của Kitô giáo* của L. Phoiobác ra đời và lập tức có ảnh hưởng mạnh mẽ. Theo C. Mác, với sự ra đời của tác phẩm đó, về thực chất đã kết thúc sự phê phán tôn giáo. Vậy bằng cách nào mà với L. Phoiobác sự phê phán tôn giáo được xem là đã kết thúc về cơ bản?

Ngay từ lúc 26 tuổi, L. Phoiobác đã xuất bản tác phẩm *Những suy nghĩ về cái chết và sự bất tử*, trong đó ông phê phán tôn giáo và xã hội hết sức mạnh bạo. Vốn là một môn đệ không chính thống của Hêghen, nhưng với quan điểm nhân bản của mình ông đã nhanh chóng đoạn tuyệt với triết học duy tâm của Hêghen. Triết học nhân bản của L. Phoiobác đã đặt con người vào vị trí trung tâm, biến tinh thần, tư duy vốn là chủ thể của hệ thống Hêghen thành những thuộc tính của con người. Sự vượt lên của L. Phoiobác so với các nhà triết học tôn giáo trước ông chính là ở việc giải quyết các vấn đề tôn giáo theo quan điểm nhân bản. Trước ông, người ta nhìn tôn giáo như một cái gì đó từ bên ngoài áp đặt vào con người, và vì thế người ta cho rằng trong tôn giáo có nhiều điều xấu xa, nhưng lại không nhận thấy rằng chính con người đã tạo ra tôn giáo. L. Phoiobác đã đưa ra luận điểm: con người sáng tạo ra tôn giáo, chứ tôn giáo không sáng tạo ra con người. Kể từ đây, khi nghiên cứu về tôn giáo người ta đều coi đó là luận điểm có tính chất nền tảng.

Trong *Bản chất của Kitô giáo*, L. Phoiobác chứng minh rằng, hiểu một cách nhân bản, cái mà ý thức tôn giáo quan niệm là Thượng Đế không phải là cái gì khác hơn

sự "phóng rọi" của chính bản thân con người, với tư cách là loài, và được thể hiện bằng tư duy, bằng mong muốn, bằng cảm xúc. Ông viết: "Con người suy nghĩ ra sao, tâm tư thế nào, thì Thượng Đế của họ đúng như vậy; con người có bao nhiêu giá trị thì Thượng Đế của họ cũng chỉ có bấy nhiêu, không hơn. Ý thức về Thượng Đế là sự tự ý thức của con người, sự nhận thức Thượng Đế là sự nhận thức của con người. Từ Thượng Đế có thể suy ra con người, và từ con người có thể suy ra Thượng Đế của họ, hai thứ chỉ là một. Cái mà con người cho là Thượng Đế, đấy chính là tinh thần, là tâm hồn của con người và cái gọi là tinh thần, là tâm hồn, trái tim của con người, đấy chính là Thượng Đế; Thượng Đế là cái bên trong đã được phơi bày, là cái tự thân đã được biểu hiện của con người; tôn giáo là sự vén mở trang trọng những kho tàng ẩn giấu của con người, là sự thừa nhận những ý nghĩ thâm kín nhất, là lời thú nhận công khai những bí mật tình yêu của con người"<sup>(4)</sup>.

Như vậy, con người đã phản ánh bản chất thật của mình vào Thượng Đế và tôn giáo. Sau khi đã thực hiện việc đó, Thượng Đế không còn đồng nhất tuyệt đối với bản chất con người nữa; giờ đây Thượng Đế trở thành một khách thể của con người, thành một cái nằm ngoài con người, và đến lượt mình, con người nhắm mắt phục tùng cái Thượng Đế do họ đã sinh ra với một tinh thần hoàn toàn thụ động. Theo L. Phoiobác, đấy là bản chất của tôn giáo. Việc con người không ý thức được mình "sáng tạo" ra Thượng Đế như thế nào đã làm nên bản chất

2. Sergio Vuscovic Rojo. *Tôn giáo, thuốc phiện của nhân dân và sự phản kháng chống lại khổn cùng thực tại - Các quan điểm của Mác và Lênin*. Trong: *Về Tôn giáo*, T. 1. Nxb KHXH, Hà Nội, 1994, tr. 227.

3. Sergio Vuscovic Rojo. Sđd, tr. 228.

4. Ludwig Feuerbach. *Bản chất chung của tôn giáo*. Trong: *Về tôn giáo*. T. 1, Nxb KHXH, Hà Nội, 1994, tr. 103.

đặc thù của tôn giáo. Đúng là "trước khi tìm thấy bản chất của mình bên trong mình, con người đã đẩy nó ra bên ngoài. Đầu tiên, con người khách thể hóa bản chất của riêng mình thành một bản chất khác. Tôn giáo là bản chất con trẻ của loài người; nhưng đứa trẻ lại thấy bản chất của mình, tức con người, ở ngoài mình. Con người ở dạng đứa trẻ này tự khách thể hóa mình thành một con người khác"<sup>(5)</sup>. Nên lưu ý rằng, tôn giáo - trong tác phẩm của L. Phoiobác là Kitô giáo - là "thái độ của con người đối với chính mình, hay nói đúng hơn, đối với bản chất của mình, nhưng lại làm như đây là một bản chất khác mình. Bản chất Thượng Đế rút cục chỉ là bản chất con người, hay đúng hơn, là bản chất con người đã được tách khỏi những giới hạn cá nhân con người, nghĩa là giới hạn của con người thực thể, nhục thể, một bản chất được khách quan hóa, nghĩa là được xem xét và tôn sùng như một bản chất khác, xa lạ và riêng biệt đối với con người. Cho nên, mọi định nghĩa về bản chất Thượng Đế đều là định nghĩa về bản chất con người..."<sup>(6)</sup> Con người đã tôn sùng chính bản chất của mình mà không biết, bởi vì cái bản chất đó đã bị đẩy ra ngoài con người và bị thần thánh hóa.

Vậy con người quan niệm về Thượng Đế của mình như thế nào? Theo L. Phoiobác, con người thấy cần phải có những quan niệm nhất định về Thượng Đế, và bởi lẽ con người là con người, nên họ không thể có quan niệm nào khác về Thượng Đế ngoài quan niệm mang tính con người. "Ta tin tưởng rằng tình yêu là một thuộc tính của Thượng Đế, vì bản thân ta biết yêu, ta cho Thượng Đế là thông thái, cao cả, vì trí tuệ và lòng tốt là những thứ tốt đẹp nhất ta nghiệm thấy ở ta, và ta tin rằng Thượng Đế tồn tại, rằng nó là một chủ thể hay thực thể - cái gì tồn tại, cái đó là một thực thể, dù người ta định nghĩa nó là một thực thể hay cá nhân hay cái gì cũng vậy, vì bản thân ta tồn tại, bản thân ta là một thực thể"<sup>(7)</sup>. Rõ

ràng là, những quan niệm tôn giáo chẳng qua chỉ là sự thực hiện những khát vọng, mong muốn của con người. Con người đã không hề ghép cho Thượng Đế các thuộc tính tâm thường, thấp hèn, mà phải là những thuộc tính đáng khao khát, đáng trân trọng, những thuộc tính tự chúng đã mang tính thần thánh. Theo L. Phoiobác, thuộc tính của thần thánh không phải thuộc tính của thần thánh, mà là sự thần thánh hoá các thuộc tính. Vì thế, nếu Thượng Đế là khách thể đối với con chim, thì Thượng Đế phải là một thực thể có cánh vì đối với chim không có gì cao quý hơn, hạnh phúc hơn là có đôi cánh. Và "chừng nào con người vẫn chỉ mang thuộc tính là con người thiên nhiên nguyên thủy, thì Thượng Đế của họ cũng chỉ là một ông thần ông thánh thiên nhiên nguyên thủy. Khi con người biết dựng nhà ở, họ liền nhốt ngay các thánh thần của họ vào đền, miếu. Ngôi đền chỉ là một biểu hiện nói lên sự ưa thích nhà cửa đẹp đẽ của con người"<sup>(8)</sup>.

Như vậy, L. Phoiobác một mặt muốn đề cập đến một hạt nhân bất biến của đời sống con người, đó là những khát vọng, những mong muốn của con người gửi gắm vào Thượng Đế của họ. Mặt khác, ông muốn đề cập đến những dấu ấn thay đổi văn hóa của đời sống xã hội. Đi đôi với việc con người thoát khỏi trạng thái nguyên thủy, dã man, vươn tới văn minh; đi đôi với sự phân biệt những gì là thích đáng và không thích đáng cho con người là sự phân biệt những gì là thích đáng và không thích đáng đối với Thượng Đế. Thực ra, quan điểm của L. Phoiobác đã rất gần với quan điểm của chủ nghĩa duy vật lịch sử. Dù vậy, con người trong quan niệm của ông vẫn là con người

5. Ludwig Feuerbach. Sđd, tr. 104.

6. Ludwig Feuerbach. Sđd, tr. 105.

7. Ludwig Feuerbach. Sđd, tr. 110.

8. Ludwig Feuerbach. Sđd, tr. 112.

trừu tượng mà sau đó C. Mác và Ph. Ăngghen đã phê phán<sup>(9)</sup>.

L. Phoiơbác còn một đóng góp khác cũng rất quan trọng khi ông viết về nguồn gốc nhận thức và nguồn gốc tâm lí của tôn giáo. Trong tác phẩm *Bút kí triết học*, khi tóm tắt cuốn sách *Những bài giảng về bản chất của tôn giáo* của L. Phoiơbác, V.I. Lênin đã đánh giá rất cao đóng góp này. V.I. Lênin đã trích đoạn văn sau trong cuốn sách nói trên: "Trong tư duy, con người tách hình dung từ với danh từ, đặc tính với bản chất... Và Thượng Đế siêu hình không phải là cái gì khác mà là sự tập hợp, là toàn bộ những đặc tính chung nhất rút ra từ giới tự nhiên, song con người, nhờ vào sức tưởng tượng, tức là chính bằng phương pháp tách rời như thế khỏi bản chất cảm tính, khỏi vật chất của giới tự nhiên, lại đem giới tự nhiên biến thành một chủ thể hay là một thực thể độc lập". Bên lề đoạn trích này, Người nhận xét: "hết sức đúng"<sup>(10)</sup>. Ở một đoạn trích khác: "Bản chất khách quan coi như là chủ quan, bản chất của giới tự nhiên coi như là khác với giới tự nhiên, coi như là bản chất của con người, bản chất của con người coi như là khác với người, coi như là bản chất không phải người, - đó là thực thể của Thượng Đế, đó là bản chất của tôn giáo, đó là bí mật của chủ nghĩa thần bí và tư biện", Người còn nhấn mạnh hơn: "đoạn tuyệt diệu!"<sup>(11)</sup>.

Theo L. Phoiơbác, phải tìm nguồn gốc của những biểu tượng tôn giáo trong điều kiện sống của con người và sự phản ánh độc đáo của chúng trong ý thức con người. Tuy nhiên, trong những nghiên cứu của mình, ông không tập trung vào việc phân tích hoàn cảnh lịch sử cụ thể đã sản sinh ra tôn giáo mà chỉ cố gắng vạch ra những cơ sở nhân bản và tâm lí của những biểu tượng tôn giáo. Theo hướng đó, ông đã giải thích bản chất tôn giáo bằng sự nhận thức đặc thù của con người về giới tự nhiên. L. Phoiơbác cho

rằng, để tạo nên ý niệm Thượng Đế, giới tự nhiên chỉ cung cấp nguyên liệu vật chất, còn các hình thức chế biến nguyên liệu chưa được nhào nặn ấy thành một thực thể thiêng liêng thì lại do đầu óc nghĩ ra, sức mạnh của tưởng tượng đẻ ra. Vì thế, ông coi sức tưởng tượng là nguyên nhân "lí luận" hay nguồn gốc của tôn giáo.

L. Phoiơbác chỉ ra rằng, đặc điểm nổi bật của sức tưởng tượng có tính chất tôn giáo là ở chỗ nó liên hệ với cảm giác về sự phụ thuộc. Cảm giác này được quan niệm theo nghĩa rộng nhất, không chỉ bao gồm có sự sợ hãi, mà gồm cả tình yêu, lòng biết ơn, sự kính trọng... Cuối cùng, ông coi tính vị kỉ, lòng tham của con người muốn thỏa mãn những nhu cầu của mình và sự khát khao hạnh phúc là mặt trái của cảm giác về sự phụ thuộc.

Điều đặc biệt đáng lưu ý là L. Phoiơbác không thừa nhận ở con người có những tình cảm tôn giáo bẩm sinh. Bởi nếu thừa nhận tính bẩm sinh của những tình cảm tôn giáo thì người ta đi đến chỗ phải thừa nhận trong con người có một cơ quan đặc biệt dành cho tình cảm tôn giáo. Nhưng ở trong con người lại không có một cơ quan đặc biệt nào dành riêng cho những tình cảm đó. Tôn giáo xuất hiện trong quá trình lịch sử. Đây là quan điểm rất tiến bộ, nó chứng tỏ L. Phoiơbác đã tiến gần tới quan điểm lịch sử, cho dù là tự phát và mới chỉ ở dạng phôi thai.

L. Phoiơbác tuyên bố cần phải loại bỏ mọi thứ tôn giáo hiện đang tồn tại. Nhưng với ông, tôn giáo trước sau vẫn là một sản phẩm không thể thiếu được trong đời sống con người. Bởi vậy, ông chủ trương xây

9. Xem: Nguyễn Đức Sự (chủ biên). *C. Mác - Ăngghen về vấn đề tôn giáo*. Nxb KHXH, Hà Nội, 1999, tr. 499.

10. V.I. Lênin. *Toàn tập*, T. 29. Nxb Tiến Bộ, Matxcova, 1981, tr. 71.

11. V.I. Lênin. *Toàn tập*, T. 29. Nxb Tiến Bộ, Matxcova, 1981, tr. 71.

dựng một tôn giáo đặc biệt, một tôn giáo "không có Thượng Đế" - tôn giáo tình yêu. Ông viết: "Giáo điều nói đến hai mặt: Thần và tình yêu. Thần là tình yêu"<sup>(12)</sup>. Tình yêu mà ông nói đến ở đây "là tình yêu thương con người"<sup>(13)</sup>. Theo ông, chính "tình yêu thương cứu vớt chúng ta" chứ không phải Thần cứu vớt chúng ta<sup>(14)</sup>. Trung tâm của thứ tôn giáo đặc biệt này là bản thân con người. Ông tuyên truyền cho sự "thần thánh hóa" con người và tình cảm của con người. Ông thừa nhận sự linh thiêng của quan hệ nam nữ và tuyên bố rằng "người là thần đối với người". Cố ý vượt lên những mâu thuẫn giai cấp, và sự áp bức đối với quần chúng lao động nên L. Phoiobác đã tưởng tượng ra một sự thống nhất linh thiêng của bản chất con người trong tất cả mọi cá nhân, mọi thời đại, mọi quốc gia. Do vậy, trên thực tế, L. Phoiobác đã không giải quyết đúng được vấn đề nguồn gốc và bản chất của tôn giáo. Ông chưa nhìn thấy nguồn gốc xã hội của tôn giáo, chưa chú ý mối quan hệ của tôn giáo với sự phát triển xã hội. Ở nhiều điểm L. Phoiobác sâu sắc hơn các nhà duy vật Pháp, nhưng ông sai lầm khi cố gắng dựng lên một thứ tôn giáo không có Thượng Đế, khi giải thích những quan hệ giữa người với nhau và giữa người với tự nhiên theo quan điểm luân lý tôn giáo của ông. Trong *Luận cương thứ bảy về L. Phoiobác*, C. Mác viết: "L. Phoiobác không thấy rằng bản thân "tình cảm tôn giáo" cũng là *một sản phẩm xã hội* và cá nhân trừu tượng mà ông phân tích, trên thực tế là thuộc một hình thức xã hội nhất định"<sup>(15)</sup>. L. Phoiobác đã không biết biến sự phê phán "trời" thành sự phê phán "đất", nghĩa là phê phán pháp luật, chính trị, những quan hệ xã hội tư sản đương thời nói chung. Rốt cuộc, từ chỗ muốn loại bỏ tôn giáo, ông lại "hoàn thiện tôn giáo". Thay vì tôn sùng một Thượng Đế mang bản chất

tình yêu, L. Phoiobác lại tôn sùng một tình yêu ở ngôi Thượng Đế.

Tuy trong quan niệm của L. Phoiobác về tôn giáo còn có những hạn chế nhất định, nhưng rõ ràng ở ông đã có cái nhìn nhân bản sâu sắc. Những quan niệm của L. Phoiobác về tôn giáo đã tạo ra những tiền đề lí luận quan trọng cho các thế hệ nghiên cứu tôn giáo tiếp theo. Những đóng góp của L. Phoiobác cũng như những hạn chế mà ông chưa thể vượt qua đều được C. Mác và Ph. Ăngghen đánh giá một cách công bằng, và trên cơ sở đó các ông đã thừa kế và phát triển trong học thuyết của mình.

Ngày nay, thực tiễn xây dựng và phát triển xã hội theo định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta đã khẳng định: "Tín ngưỡng tôn giáo là nhu cầu tinh thần của một bộ phận nhân dân"<sup>(16)</sup>. "Tôn giáo và Chủ nghĩa xã hội có những điểm trùng hợp là đều mong muốn một xã hội hạnh phúc, công bằng, cái THIÊN thắng cái ÁC... Giữa Chủ nghĩa xã hội và tôn giáo tuy không có sự đồng nhất, nhưng cũng không có sự xung khắc, mà **cùng tồn tại lâu dài**"<sup>(17)</sup>(TG. nhấn mạnh). Chúng tôi muốn mượn đoạn trích trên đây làm lời kết cho bài viết của mình./

12. L. Feuerbach. *Bản chất đạo Cơ đốc*. Tư liệu dịch của Viện Nghiên cứu Tôn giáo, tr. 52.

13. L. Feuerbach. Tư liệu đã dẫn, tr. 54.

14. Xem: L. Feuerbach. Tư liệu đã dẫn, tr. 54.

15. C. Mác và Ph. Ăngghen. *Toàn tập*, T. 3. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995, tr. 11.

16. Chỉ thị số 37/CT - TW của Bộ Chính trị về công tác tôn giáo trong tình hình mới. Tạp chí *Nghiên cứu Tôn giáo*, số 1, 1999, tr. 7.

17. Lê Quang Vịnh. *Về Chỉ thị số 37/CT - TW của Bộ Chính trị và Nghị định số 26/1999/NĐ - CP của Chính phủ về các hoạt động tôn giáo*. Tạp chí *Nghiên cứu Tôn giáo*, số 2, 1999, tr. 7.